TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05/**2019/HS-ST
Ngày: 25-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Ngọc Cẩm Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Văn Thưởng**

2/ Ông **Võ Thanh Minh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa*:** Ông **Trần Minh Kha** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh năm 1951; tại tỉnh Bến Tre;

Nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Làm vườn;

Trình độ văn hóa: 5/12;

Con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết);

Bị có chồng tên Trương Văn C; có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1991;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Phan Thị T, sinh năm 1958;
Nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.
- *Người làm chứng:*
+ Chị Lê Thị Kim O, sinh năm 1980;
Nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ, ngày 30/7/2018, Nguyễn Thị H đến nhà bà Phan Thị T tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre mượn tiền nhưng bà T không cho. Lúc này bà T mở cửa tủ gỗ lấy tiền để trong ví đi đóng hụi, H nhìn thấy. Khi trên đường trở về nhà H nghĩ rằng trong ví đó còn tiền nên nảy sinh ý định trộm tiền của bà T. Liền lúc đó, Nguyễn Thị H đi bộ trở lại nhà bà T mở cửa sau (cửa không khóa) đến tủ gỗ và lấy cây kéo trên nóc tủ này cạy mở khóa, lục ví của bà T thì phát hiện bên trong ví có hộp nhựa đựng 02 chiếc nhẫn vàng, H lấy 02 chiếc nhẫn đem về nhà cất giấu. Sau khi đi đóng hụi về bà T phát hiện bị mất trộm tài sản nên trình báo công an xã A, huyện Châu Thành đến lập biên bản.

Qua làm việc Nguyễn Thị H đã thừa nhận hành vi trộm cắp trên và giao nộp lại số tài sản đã lấy cắp gồm: 02 chiếc nhẫn vàng 24K có chữ "DANG KHA 24K". Riêng cây kéo của bà T, H sau khi sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội đã quăng bỏ mất nên không thu hồi được.

Ngày 14/9/2018 Trung tâm kỹ thuật đo lường chất lượng 3 tại thành phố Hồ Chí Minh xác định 02 chiếc nhẫn Nguyễn Thị H lấy trộm là vàng 24K có tổng trọng lượng 7,5101 gram (01 chỉ = 3,75 gram).

Tại bản Kết luận định giá số 1078/KL-HĐĐG ngày 26/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre kết luận 02 chiếc nhẫn vàng được ghi nhận tại thông báo kết quả giám định số 0371/N1-18/TĐ ngày 14/9/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 tại thành phố Hồ Chí Minh xác định tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt giá trị 7.069.178 đồng.

Hiện Cơ quan CSĐT Công an huyện Châu Thành đã trả lại toàn bộ số tài sản trên cho bà Phan Thị T.

Cáo trạng số 01/CT-VKSCT ngày 10/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về *"Tội trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm Tội trộm cắp tài sản.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 06 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

- Về xử lý vật chứng: Không.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện Châu Thành đã trại lại toàn bộ số tài sản bị cáo chiếm đoạt cho bà Phan Thị T và bà T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

Ý kiến của bị hại Phan Thị T: Đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác.

Bị cáo H đã khai nhận hành vi có trộm vàng của bà T, lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã được xác định. Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại về đặc điểm tài sản, vị trí, thời gian tài sản mà bị cáo chiếm đoạt và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 07 giờ, ngày 30/7/2018, lợi dụng trong lúc bà Thê không có ở nhà, Nguyễn Thị H đã đột nhập vào nhà bà T ở ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre từ cửa sau, cạy tủ, mở ví lấy trộm 02 chiếc nhẫn vàng 24K, trọng lượng 7,5101 gram của bà T. Tài sản Nguyễn Thị H lấy trộm giá trị 7.069.178 đồng.

Hành vi của bị cáo là hành vi cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ. Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ tư lợi bất chính bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã lợi dụng sự thiếu cảnh giác trong quản lý tài sản của bị hại để thực hiện hành vi phạm tội, trên thực tế bị cáo đã thực hiện việc chiếm đoạt được tài sản như ý định của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mọi người không an tâm trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H đã phạm vào "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo

trạng truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Xét tình tiết tăng nặng bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ: bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà chỉ cần giao bị cáo về địa phương phối hợp cùng gia đình quản lý, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung nên cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về xử lý vật chứng: Không.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an huyện Châu Thành đã trả lại: 02 chiếc nhẫn vàng 24K có tổng trọng lượng 7,5101 gram cho bà Phan Thị T và bà T không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên ghi nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] *Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:*

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm *"Tội trộm cắp tài sản*";

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/01/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Thị H về cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre phối hợp cùng với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] *Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:*

- Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- STP tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- Công an huyện (1b);
- Bộ phận HS CA huyện (2b);
- UBND X. An Khánh (1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ký tên và đóng dấu)

Võ Ngọc Cẩm Sơn